**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI LẠI NGỮ VĂN 10**

**NĂM HỌC: 2020-2021**

**A/ HỆ THỐNG KIẾN THỨC PHẦN ĐỌC HIỂU:**

1. *Phong cách ngôn ngữ:*

1/ Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

1. Đặc trưng: Cụ thể; Cảm xúc; Cá thể.
2. Hình thức: Trò chuyện; Nhắn tin; Nhật kí; Thư từ

2/ Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

1. Đặc trưng: Hình tượng; Truyền cảm; Cá thể hóa.
2. Hình thức: Thơ ca; Truyện ngắn; Tiểu thuyết; Kịch.
3. *Phương thức biểu đạt:*

1/ Tự sự: Nhân vật; Đối thoại; Diễn biến.

2/ Biểu cảm: Ngôi thứ 1; Độc thoại; Cảm xúc.

3/ Miêu tả: Màu sắc; Đường nét; Khung cảnh....

4/ Thuyết minh: Nguồn gốc; Đặc điểm; Công dụng.

5/ Nghị luận: Luận điểm; Lí lẽ; Dẫn chứng.

6/ Hành chính: Khuôn mẫu; Minh xác; Công vụ.

1. *Các thao tác lập luận:*

1/ Giải thích: dùng lý lẽ để giảng giải vấn đề.

2/ Chứng minh: dùng dẫn chúng để làm sáng tỏ luận đề đã cho.

3/ So sánh: làm sáng tỏ đối tượng đang nghiên cứu với đối tượng khác.

4/ Bác bỏ: dùng lí lẽ, dẫn chứng để gạt bỏ quan điểm, ý kiến sai lệch.

5/ Bình luận: đề xuất, thuyết phục mọi người tán đồng với một nhận xét, đánh giá của mình.

6/ Phân tích: làm rõ đặc điểm về nội dung hình thức và các mối quan hệ.

1. *Các biện pháp tu từ nghệ thuật:*

- Tu từ về ngữ âm: điệp âm, điệp vần, điệp thanh,… (tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu).

- Tu từ về từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,…

- Tu từ về cú pháp: Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối…

*\*\*\* Tác dụng của các biện pháp tu từ từ vựng:*

\* Phép So sánh: tăng sức gợi hình, tăng chiều sâu cho hình ảnh làm cho sự vật, sự việc được miêu tả một cách sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng của người nghe, người đọc, gợi hình dung và để lại ấn tượng sâu sắc.

\* Phép ẩn dụ: tăng sức gợi hình , mang lại tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc về (…. Về hình ảnh gì đó)

\* Phép Hoán dụ: Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc về hình tượng

\* Phép Nhân hóa: Làm cho đối tượng hiện ra thật sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn

\* Phép liệt kê: Biện pháp liệt kê tạo nên sự sinh động, phong phú cho hình ảnh mang đến cho người đọc sự cảm nhận rõ nét hơn về sự vật hiện tượng.

\* Nói giảm nói tránh: Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mất mát nhằm thể hiện sự trân trọng; hoặc giảm đi sự thông tục tránh thái độ khó chịu của người nghe.

\* Thậm xưng (phóng đại): nhấn mạnh và tô đậm ấn tượng về…

\* Các phép điệp nói chung (Điệp từ/ngữ/cấu trúc): tạo nên nhịp điệu, giọng điệu, nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm.

**B/ BÀI TẬP PHẦN ĐỌC HIỂU**

1. *Đề minh họa:*

**Đề 1:** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

NƠI DỰA

Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia?

Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào…

Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.

Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.

Ai biết đâu, đứa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.

Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?

Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.

Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh bước từng bước run rẩy.

Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời.

Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách.

(Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên.

Câu 2. Xác định các dạng của phép điệp trong văn bản trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng.

Câu 3. Hãy chỉ ra nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản trên.

Câu 4: Qua văn bản trên, anh/ chị hiểu thế nào là nơi dựa của mỗi con người trong cuộc đời?

**Đề 2:** Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Mũi Cà Mau: mầm đất tươi non

Mấy trăm đời lấn luôn ra biển;

Phù sa vạn dặm tới đây tuôn,

Đứng lại; và chân người bước đến.

Tổ quốc tôi như một con tàu,

Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.

Những dòng sông rộng hơn ngàn thước.

Trùng điệp một màu xanh lá đước.

Đước thân cao vút, rễ ngang mình

Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước!

Tổ quốc tôi như một con tàu,

Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.”

(Mũi Cà Mau - Xuân Diệu, 10-1960)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Các từ: trăm, vạn, ngàn, nghìn là từ loại gì? Chúng góp phần tăng hiệu quả diễn đạt nội dung của văn bản trên như thế nào?

Câu 3. Xác định các dạng của phép điệp trong văn bản trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng.

Câu 4. Văn bản trên gợi cho anh/ chị cảm xúc gì đối với quê hương, Tổ quốc? (nêu cảm nhận ngắn gọn trong 4 - 6 dòng)

**Đề 3:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Chưa bao giờ cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liễm kiết (kết tụ lại) cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết ra được. Nó là nỗi ủ kín bực dọc bưng bít. Nó giống như cái trạng huống thở than của một cảnh ngộ tri âm. Nó là niềm vang dội quằn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ mành thưa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cỡ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vướng vít nửa vời".

(Nguyễn Tuân, Chùa đàn, Tuyển tập Nguyễn Tuân, NXB Văn học, 2012, tr. 229)

Câu 1: Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2: Thử đặt nhan đề cho đoạn trích.

Câu 3: Những biện pháp tu từ chủ yếu nào đã được tác giả sử dụng trong việc miêu tả tiếng đàn? Tác

dụng của biện pháp tu từ ấy?

Câu 4: Đoạn văn này giúp anh/chị nhớ đến tiếng đàn của các nhân vật trong những tác phẩm đã học nào ở chương trình Ngữ Văn THPT? Hãy trình bày nét tương đồng với tiếng đàn trong các tác phẩm ấy.

**Đề 4:** Đọc hai đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên

Còn những bí và bầu thì lớn xuống

húng mang dáng giọt mồ hôi mặn

Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.”

(Mẹ và quả - Nguyễn Khoa Điềm)

Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao.”

(Trong lời mẹ hát – Trương Nam Hương)

Câu 1. Nêu hai phương thức biểu đạt nổi bật trong đoạn thơ thứ nhất.

Câu 2. Xác định nghệ thuật tương phản trong từng đoạn thơ trên?

Câu 3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa trong câu thơ “Thời gian chạy qua tóc mẹ”?

Câu 4. Những điểm giống nhau về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ trên là gì? Trả lời trong khoảng 4-5 dòng.

**Đề 5:** Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

…Ở xứ này, khi bạn 17 tuổi – cái tuổi mà người lớn vẫn gọi là “ăn chưa no lo chưa tới”, những gì bạn được người lớn khuyên bảo chỉ là học thật tốt để thi đại học, kiếm bằng cấp, kiếm việc làm và… thu nhập cao. Đó quả là lời khuyên vô cùng hữu ích. Song ngẫm lại nếu bạn bị cuốn vào guồng quay đã được định sẵn này, bạn sẽ vô tình sống một cuộc sống tẻ nhạt, ích kỉ và chỉ vì bản thân mình.

17 tuổi bạn đã đủ lớn để bước ra vỏ bọc êm ái, nhìn ra xung quanh và thấy được những mặt xấu xí, lồi lõm của cuộc sống này. 17 tuổi, bạn đã đủ lớn để nghe những câu hỏi về những vấn đề nhức nhối của xã hội, của nhân loại và tự đặt cho mình câu hỏi : “Mình có thể làm gì giúp giải quyết những vấn đề này ?”

Tôi cũng như bạn, ở tuổi 17, chúng ta cần rất nhiều thời gian và công sức để tìm câu trả lời. Nhưng tôi tin đến một ngày, sau những nổ lực và cố gắng, nếu biết đặt những câu hỏi, chúng ta sẽ có câu trả lời…”

(Đi, để hỏi – Đoàn Lê Quỳnh Trân, Trường THPT Năng Khiếu, Tp.HCM – Báo tuổi trẻ cuối tuần)

Câu 1:Những từ ngữ nào miêu tả “một cuộc sống tẻ nhạt, ích kỉ và chỉ vì bản thân”?

Câu 2:Anh/chị hiểu thế nào về câu nói: “Song ngẫm lại nếu bạn bị cuốn vào guồng quay đã được định sẵn này, bạn sẽ vô tình sống một cuộc sống tẻ nhạt, ích kỉ và chỉ vì bản thân mình”?

Câu 3:Cho biết hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu: “17 tuổi bạn đã đủ lớn để bước ra vỏ bọc êm ái, nhìn ra xung quanh và thấy được những mặt xấu xí, lồi lõm của cuộc sống này”.

Câu 4:Tác giả nhắn nhủ điều gì qua câu: “17 tuổi, bạn đã đủ lớn để nghe những câu hỏi về những vấn đề nhức nhối của xã hội, của nhân loại và tự đặt cho mình câu hỏi: “Mình có thể làm gì giúp giải quyết những vấn đề này?” ? Lời nhắn nhủ đó có ý nghĩa gì đối với anh/chị?

**Đề 6:** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"… (1) Thật vậy, Nguyễn Du, đại thi hào của dân tộc từng viết: “Sách vở đầy bốn vách/ Có mấy cũng không vừa”. Đáng tiếc, cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phôi pha. Sách in nhiều nơi không bán được, nhiều nhà xuất bản đóng cửa vì thua lỗ, đặc biệt sách bị cạnh tranh khốc liệt bởi những phương tiện nghe nhìn như ti vi, Ipad, điện thoại Smart, và hệ thống sách báo điện tử trên Internet. Nhiều gia đình giàu có thay tủ sách bằng tủ ... rượu các loại. Các thư viện lớn của các thành phố hay của tỉnh cũng chỉ hoạt động cầm chừng, cố duy trì sự tồn tại.

(2) Bỗng chợt nhớ khi xưa còn bé, với những quyển sách giấu trong áo, tôi có thể đọc sách khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thẩn trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chăn trâu, lúc chờ xe bus... Hay hình ảnh những công dân nước Nhật mỗi người một quyển sách trên tay lúc ngồi chờ tàu xe, xem hát, v.v... càng khiến chúng ta thêm yêu mến và khâm phục. Ngày nay, hình ảnh ấy đã bớt đi nhiều, thay vào đó là cái máy tính hay cái điện thoại di động. Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay...”

(Trích Suy nghĩ về đọc sách– Trần Hoàng Vy, Báo Giáo dục & Thời đại, Thứ hai ngày 13.4.2015)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 2. Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: “cuộc sống hiện nay dường như “cái đạo” đọc sách cũng dần phôi pha”?

Câu 4. Anh/chị hãy nêu ít nhất 02 tác dụng của việc đọc sách. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng

**D/ KIẾN THỨC NGHỊ LUẬN VĂN HỌC:**

***BÀI 1: TRAO DUYÊN (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)***

*I - TÌM HIỂU CHUNG*

Đoạn trích từ câu 723 đến câu 756 của Truyện Kiều, mở đầu cho cuộc đời đau khổ của Kiều.

*II - ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN*

1. Nội dung

1.1. Đoạn 1 (18 câu đầu): Thuý Kiều nhờ Thuý Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng

Đoạn trích gồm 34 câu trong đó mười tám câu đầu là lời Thuý Kiều nhờ Thuý Vân trả nghĩa Kim Trọng:

Cậy em em có chịu lời, ...

... Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.

Xưa nay người ta chỉ trao nhau vật chất chứ có ai trao duyên bao giờ. Thế nhưng Thuý Kiều lại phải làm cái điều chưa ai từng làm ấy. Trong quan niệm của người xưa, “tình” thường gắn liền với “nghĩa”. Giữa Thuý Kiều và Kim Trọng đã có lời thề trăm năm tạc một chữ đồng đến xương nhưng sự đâu sóng gió bất kì, vì chữ “hiếu” nàng không thể giữ lời thề với chàng Kim nên đành nhờ Thuý Vân trả nghĩa hộ mình. Nguyễn Du đã rất tinh tế khi để Kiều dùng từ cậy mà không dùng từ nhờ vì cậy có ý tin chắc là người khác nhất định sẽ nghe mình. Cũng vậy, chịu lời và nhận lời có vẻ như nhau nhưng chịu lời là nhận lời làm việc không do mình tự nguyện hoặc một việc khó chối từ. Hai chữ mặc em chốt lại màn dạo đầu nhưng lại mang hàm ý giao phó trách nhiệm. Rõ ràng, Kiều ý thức rất rõ việc mình trao duyên cho em là một việc cần thiết, quan trọng. Nàng không chắc Thuý Vân đã nhận lời nên mỗi từ Thuý Kiều nói ra đều được cân nhắc kĩ càng. Không thấu hiểu, đồng cảm với nhân vật của mình, Nguyễn Du không thể viết những câu thơ với những từ đắt như thế.

Sau lời ướm hỏi - thực chất là lời giao phó, Kiều đã thuật lại một cách vắn tắt nhưng khá đầy đủ về cảnh ngộ của mình:

Kể từ khi gặp chàng Kim, ...

... Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.

Lí lẽ nàng đưa ra để thuyết phục Thúy Vân rất hợp lí: Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai và dường như nàng diễn đạt rất trôi chảy. Nhưng thực chất, sau những lời nói ấy, trái tim Kiều bắt đầu cuộn lên nỗi đau đớn khôn xiết. Nỗi đau đó nàng vẫn phải giấu kín trong lòng để trao duyên cho em một cách trọn vẹn:

Ngày xuân em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ thay lời nước non.

Để rồi, đến khi phải trao cho Thuý Vân những kỉ vật của tình yêu, trong Kiều nỗi đau đã cuộn lên thành những mâu thuẫn:

Chiếc vành với bức tờ mây,

Duyên này thì giữ, vật này của chung.

Tờ hoa tiên ghi lời thề nguyền của Kim Kiều, chiếc vành mây trước đây chàng Kim trao cho Kiều làm của tin giờ nàng đều trao cả cho Thuý Vân. Đành phải trao duyên (trao nhiệm vụ trả nghĩa chàng Kim) cho em để em thay mình đền nghĩa người yêu nên Kiều mới nói duyên này thì giữ. Duyên phải trao đi vì nàng không thể cùng chàng Kim trọn lời thề ước. Còn tình yêu Kiều dành cho Kim làm sao mà trao được. Nó vẫn ở mãi trong lòng nàng. Và những kỉ vật kia chính là dấu tích của mối tình đầu, chính là vật lưu giấu tình yêu Kim Kiều. Phải trực tiếp trao nó vào tay Thuý Vân, có lẽ nào Kiều không tiếc nuối? Hai chữ của chung đủ để diễn tả tất cả: nỗi tiếc xót, nỗi đau và sự cố gắng níu kéo (chị vẫn có phần trong đó). Sau tất cả nỗi niềm tâm trạng đó, chúng ta có thể cảm nhận tình yêu sâu đậm Thuý Kiều dành cho Kim Trọng. Với Kiều, hạnh phúc của người mình yêu là điều hơn hết. Đó chính là lí do khiến nàng trao duyên cho Thuý Vân.

1.2. Đoạn 2 (còn lại): Tâm trạng của Kiều sau khi trao duyên

Trong khi nói với Thuý Vân, Kiều cảm tưởng như sống lại với các kỉ niệm của tình yêu với Kim Trọng. Nàng như sống trong hồi ức qua những kỉ vật và nhất là tưởng nhớ lại sự kiện đêm thề nguyền thiêng liêng:

Mai sau dù có bao giờ,

Đốt lò hương ấy so tơ phím này.

Rõ ràng trong tâm hồn Kiều, những kỉ niệm đẹp đẽ của tình yêu có sức sống thật mãnh liệt. Nguyễn Du thật tinh tế khi gợi lại các hình ảnh quá khứ: Cảnh chàng Kim cho thêm hương vào lò hương (đài sen nối sáp lò đào thêm hương) và cảnh Kiều đàn cho Kim Trọng nghe (So dần dây vũ dây văn) trong đêm thề nguyền. Mỗi kỉ niệm đã qua đều khắc sâu trong lòng nàng. Điều đó chứng tỏ tình yêu nàng dành cho chàng Kim cực kì sâu sắc. Và càng yêu sâu sắc, Kiều càng cảm thấy cuộc đời trống trải, vô nghĩa khi không còn tình yêu. Đó là lí do khiến nàng liên tưởng đến cái chết - cái chết đầy oan nghiệt. Có rất nhiều từ ngữ phản ánh ý nghĩ này trong nàng: mai sau Trông ra ngọn cỏ lá cây, Thấy hiu hiu gió thì hay chị về. (Kiều nhớ lại cảnh Đạm Tiên đã từng hiện về qua làn gió ào ào đổ lộc rung cây khi Kiều thắp hương và làm thơ bên mộ Đạm Tiên), hồn, dạ đài, người thác oan. Lời thơ cất lên cũng chính là tiếng nói thương thân xót phận của một người con gái tha thiết với tình yêu. Mọi cung bậc cảm xúc diễn ra trong Kiều đều hết sức lô-gíc. Nguyễn Du đã miêu tả dòng diễn biến nội tâm của nàng một cách chân thực. Mỗi từ ngữ, mỗi hình ảnh đều được lựa chọn kĩ

lưỡng nhằm khắc hoạ tâm trạng nhân vật. Nhưng tình yêu không là vật chất, không thể trao đi rồi thì không còn nữa. Kiều trao duyên cho em để rồi phải nhận lại nỗi đau đớn khôn xiết. Nỗi đau đó vốn dĩ không thể được bộc lộ trong lời Thuý Kiều nói với em. Hơn thế, nếu chỉ đơn thuần nói với Thuý Vân thì cảm xúc nhân vật sẽ không đạt tới cao trào, bi kịch của thân phận và tình yêu sẽ không đạt tới đỉnh điểm, nhân cách cao đẹp của Kiều cũng không có điều kiện lộ hiện. Vậy nên Nguyễn Du đã xây dựng những lời độc thoại nội tâm của Kiều ở phần hai đoạn trích:

Bây giờ trâm gãy gương tan,

Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân!

Đến lúc này, Kiều đã quên hết xung quanh. Nàng chỉ còn khóc cho mình, khóc cho mối tình đầu ngắn ngủi. Đó là tiếng khóc cho một số phận, tiếng kêu đứt ruột cho một mối tình:

Trăm ngàn gửi lạy tình quân, ...

... Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!

Trong đoạn thơ ngắn, ba lần Nguyễn Du để Kiều gọi Kim Trọng bằng các từ khác nhau: tình quân, Kim lang, chàng. Đáng chú ý nhất là từ Kim lang. Nó được láy lại, gắn với những thán từ hô gọi ôi, hỡi đầy thê thiết. Trong tâm tưởng, Thuý Kiều đã coi Kim Trọng là chồng cho nên tiếng gọi đó vừa thể hiện sự tiếc nuối vì tình lứa đôi lỡ dở, vừa hàm chứa nỗi đau đớn khôn xiết của nàng. Nàng gọi chàng Kim để nhận lỗi về mình, để oán trách chính mình. Hơn khi nào hết, đây là giây phút đáng thương nhất cuộc đời Thuý Kiều. Bởi lẽ, mới đó thôi, người con gái ấy còn đang trong cảnh êm đềm trướng rủ màn che, vậy mà giờ đây...

2. Nghệ thuật

- Trong Trao duyên, Nguyễn Du đã miêu tả tinh tế diễn biến tâm trạng nhân vật.

- Sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm hết sức sinh động.

3. Ý nghĩa văn bản

Vẻ đẹp nhân cách Thuý Kiều thể hiện qua nỗi đau đớn khi duyên tình tan vỡ và sự hi sinh đến quên mình vì hạnh phúc của người thân.

***BÀI 2: CHÍ KHÍ ANH HÙNG (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)***

I - TÌM HIỂU CHUNG

Đoạn trích từ câu 2213 đến câu 2230 của Truyện Kiều: Từ Hải từ biệt Thuý Kiều ra đi lập sự nghiệp lớn.

II - ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Nội dung

*1.1. Khát vọng lên đường*

Từ Hải đa tình, nhưng trước hết Từ Hải là một tráng sĩ, một con người có chí khí mạnh mẽ. Chí là mục đích cao hướng tới, khí là nghị lực để đạt tới mục đích. Ở con người này, khát khao được vẫy vùng giữa trời cao đất rộng, như đã trở thành một sức mạnh của thiên nhiên, không gì có thể kiềm chế nổi:

Nửa năm hương lửa đương nồng

..........................................

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.

Đang sống trong cảnh nồng nàn hương lửa, chợt động lòng bốn phương, thế là toàn bộ tâm trí hướng về trời bể mênh mang và lập tức ở vào tư thế một mình với thanh gươm yên ngựa sẵn sàng lên đường đi thẳng. Động lòng bốn phương là thấy trong lòng náo nức cái chí tung hoành ở bốn phương trời. Chỉ hai câu đầu tác giả đã cho thấy Từ Hải không phải là con người của những đam mê thông thường mà là con người của sự nghiệp anh hùng. Không gian trong câu 3 - 4 (trời bể mênh mang, lên ngựa thẳng rong) thể hiện chí khí anh hùng của Từ Hải: lên đường, một mình một ngựa, một thanh gươm.

*1.2. Lí tưởng anh hùng của Từ Hải*

Với khát vọng lên đường mãnh liệt, Từ Hải đã quyết chí ra đi để thực hiện lí tưởng anh hùng của mình. Trong buổi chia tay Thuý Kiều, Từ Hải không hề quyến luyến, bịn rịn như cảnh Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều (Người lên ngựa, kẻ chia bào, Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.). Thậm chí, khi Kiều có suy nghĩ: “Phận gái chữ tòng, Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi.” thì Từ đã có ý trách Kiều là người tri kỉ mà không hiểu mình, khuyên Kiều vượt lên trên tình cảm thông thường để sánh với anh hùng:

Từ rằng: “Tâm phúc tương tri,

Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?

Từ Hải là con người của sự nghiệp phi thường, không thể chìm đắm trong trốn buồng khuê! Đang ở trong cảnh hạnh phúc ngọt ngào, Từ Hải thoắt đã động lòng bốn phương, tiếng gọi của sự nghiệp thức tỉnh chàng từ bên trọng. Giờ đây sự nghiệp đối với chàng là trên hết. Đối với Từ Hải, nó chẳng những là ý nghĩa của sự sống mà còn là điều kiện để thực hiện những ước ao mà người tri kỉ đã gửi gắm, trông cậy ở chàng. Do vậy mà không chút bịn rịn, không có những lời than vãn lúc chia biệt. Thêm nữa, trong lời trách người tri kỉ chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình còn bao hàm cái ý khuyên Kiều hãy vượt lên tình cảm thông thường để làm vợ của một anh hùng. Cho nên sau này trong nỗi nhớ thương của Kiều:

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời - Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm không chỉ có sự

mong chờ người yêu xa cách mà còn mong chờ cả sự nghiệp của Từ Hải.

Không chỉ khuyên nhủ Kiều, trong lời nói của mình, Từ Hải còn hứa hẹn với Kiều về một tương lai thành công:

“Bao giờ mười vạn tinh binh,

Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường.

Làm cho rõ mặt phi thường,

Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia. (...)

Đành lòng chờ đó ít lâu,

Chầy chăng là một năm sau vội gì!”

Trước đây, ngay trong cảnh trần ai, Từ Hải ngang nhiên xem mình là người anh hùng, tất cả sự nghiệp sau này như đã nắm chắc trong tay. Giờ đây xuất phát chỉ với thanh gươm yên ngựa, Từ đã khẳng định quyết tâm, tự tin vào thành công, muộn thì cũng không quá một năm, sẽ nhất định trở về với cả một cơ đồ to lớn. Những hình ảnh tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường là hình tưởng tượng của Từ về tương lai, vì nó mà Từ dứt áo ra đi. Nhưng cũng từ những hình ảnh này, người đọc được chứng kiến một niềm tin sắt đá vào thành công, vào lí tưởng cao cả của người anh hùng.

2. Nghệ thuật

Từ Hải là nhân vật được Nguyễn Du tái tạo theo khuynh hướng lí tưởng hoá. Xây dựng hình tượng nhân vật Từ Hải trong Chí khí anh hùng, Nguyễn Du kết hợp miêu tả vừa ước lệ, vừa tạo ấn tượng về tầm vóc vũ trụ. Hai phương diện ước lệ và cảm hứng vũ trụ luôn gắn bó chặt chẽ với nhau:

Nửa năm hương lửa đương nồng, ...

... Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.

Trượng phu vốn có nghĩa là người đàn ông hoặc người chồng. Chữ này trong Truyện Kiều chỉ xuất hiện một lần, dành riêng để nói về Từ Hải và đặc trong hai câu mở đầu thì thấy Nguyễn Du đã dùng với nghĩa người đàn ông có chí khí lớn. Chữ thoắt nói những quyết định dứt khoát của Từ Hải. Lòng bốn phương là khái niệm có nội hàm diễn tả con người vũ trụ. Bốn phương ở đây chỉ nam, bắc, đông, tây, có nghĩa là thiên hạ, thế giới. Nhưng theo Kinh Lễ, xưa sinh con trai, người ta làm cái cung bằng cây dâu, tên bằng cỏ bồng, bắn tên ra bốn phương, tượng trưng cho mong muốn sau này người con trai làm nên sự nghiệp lớn. Như vậy, lòng bốn phương không chỉ có nội hàm diễn tả con người vũ trụ mà còn là hình ảnh ước lệ, tượng trưng cho chí nguyện lập công danh, sự nghiệp. Các hình tượng trông vời trời bể mênh mang, bốn bể, chim bằng, gió mây cũng tương tự như vậy. Chúng vừa là ước lệ, lại vừa tạo nên ấn tượng về tầm vóc vũ trụ của Từ Hải. Sự đan kết hai nội hàm ý nghĩa trước hết khắc hoạ hình tượng nhân vật lớn lao, kì vĩ, phi thường. Chính sự kết hợp đó khiến hình tượng người anh hùng trong sáng tác của Nguyễn Du trở thành lí tưởng. Và vì lí tưởng nên không thể sử dụng bút pháp tả thực để miêu tả được. Cũng vì lí tưởng nên hình tượng nhân vật người anh hùng Từ Hải mãi mãi chỉ là mơ ước của nhà thơ. Nguyễn Du mơ ước có được một người anh hùng như thế, để thực thi khát vọng công lí cho những thân phận bất hạnh như Thúy Kiều.

3. Ý nghĩa văn bản

Đoạn trích thể hiện lí tưởng anh hùng của Từ Hải và ước mơ công lí của Nguyễn Du.

***BÀI 3: TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ(Trích :Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn)***

Chinh phụ ngâm được viết bằng chữ Hán, do tác giả Đặng Trần Côn sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Đây là thời kì vô cùng rối ren của xã hội phong kiến. Chiến tranh xảy ra liên miên, hết Lê-Mạc đánh nhau đến TrịnhNguyễn phân tranh, đất nước chia làm hai nửa. Ngai vàng của nhà Lê mục ruỗng. Nông dân bất bình nổi dậy khởi nghĩa ở khắp nơi. Nhân dân sống trong cảnh loạn li nồi da nấu thịt, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất tàn bạo, phản động của giai cấp thống trị và nỗi đau khổ của những nạn nhân trong chế độ thối nát ấy. Tác phẩm Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm rộng rãi của tầng lớp Nho sĩ. Nhiều bản dịch xuất hiện, trong đó bản dịch sang chữ Nôm của bà Đoàn Thị Điểm được coi là hoàn hảo hơn cả, thể hiện thành công lẫn trị nội dung và nghệ thuật của nguyên tác.

Nội dung Chinh phụ ngâm phản ánh thái độ oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là đề cao quyền sống cùng khao khát tình yêu và hạnh phúc lứa đôi của con người. Đó là điều ít được nhắc đến trong thơ văn trước đây. Người chinh phụ vốn dòng dõi trâm anh. Nàng tiễn chồng ra trận với mong muốn người chồng sẽ lập được công danh và trở về cùng với vinh hoa, phú quý. Nhưng ngay sau buổi tiễn đưa, nàng sống trong tình cảnh lẻ loi, ngày đêm xót xa lo lắng cho chồng. Thấm thìa nỗi cô đơn, nàng nhận ra tuổi xuân của mình đang qua đi và cảnh lứa đôi đoàn tụ hạnh phúc ngày càng xa vời. Người chinh phụ rơi vào tâm trạng cô đơn đến cùng cực. Khúc ngâm thể hiện rất rõ tâm trạng cô đơn ấy.

Đoạn trích tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (từ câu 193 đến câu 228) miêu tả những cung bậc và sắc thái khác nhau của nỗi cô đơn, buồn khộ ở người chinh phụ đang khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

Đoạn trích có thể chia làm ba đoạn nhỏ:

– Đoạn 1: Từ Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước… đến Hoa đèn kia với bóng người khá thương: Nỗi cô đơn của

người chinh phụ trong cảnh lẻ loi; cảm giác về thời gian chờ đợi; cố tìm cách giải khuây nhưng không được.

* Đoạn 2:Từ Gà eo óc gáy sương năm trống.....đến Dây uyên kinh đứt ,phím loan ngại chùng.

– Đoạn 3: Từ Lòng này gùi gió đông có tiện?… đến Cành cây sương đươm tiếng trùng mưa phun: Nỗi nhớ thương người chồng ở phương xa; cảnh vật khiến lòng nàng thêm sầu thảm.

.

Sau buổi tiễn đưa, người chinh phụ trở về, tưởng tượng ra cảnh chiến trường đầy hiểm nguy, chết chóc mà xót xa, lo lắng cho chồng. Một lần nữa nàng tự hỏi vì sao đôi lứa uyên ương lại phải chia lìa? Vì sao mình lại rơi vào tình cảnh lẻ loi? Bấy nhiêu câu hỏi đều không có câu trả lời. Tâm trạng băn khoăn, day dứt ấy được tác giả thể hiện sinh động bằng nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế. Có thể nói, sầu và nhớ là cảm xúc chủ đạo trong đoạn thơ này.

**Đoạn 1**:

Trong 8 câu thơ đầu, tác giả tập trung miêu tả hành động và tâm trạng của người chinh phụ:

Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

Ngoài rèm thước chẳng mách tin,

Trong rèm dường đã có đèn biết chăng ?

Đèn có biết dường bằng chẳng biết?

Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.

Buồn rầu nói chẳng nên lời,

Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

Nàng lặng lẽ Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước trong nỗi cô đơn đang tràn ngập tâm hồn. Nhịp thơ chậm gợi cảm giác như thời gian ngưng đọng.

Giữa không gian tịch mịch, tiếng bước chân như gieo vào lòng người âm thanh lẻ loi, cô độc. Nỗi nhớ nhung sầu muộn và khắc khoải mong chờ khiến bước chân người chinh phụ trở nên nặng trĩu. Nàng bồn chồn đứng ngồi không yên, hết buông rèm xuống rồi lại cuốn rèm lên, sốt ruột mong một tiếng chim thước báo tin vui mà chẳng thấy.

Nàng khát khao có người đồng cảm và chia sẻ tâm tình. Không gian im ắng, chỉ có ngọn đèn đối diện với nàng. Lúc đầu, nàng tưởng như ngọn đèn biết tâm sự của mình, nhưng rồi lại nghĩ: Đèn có biết dường bằng chẳng biết, bởi nó là vật vô tri vô giác. Nhìn ngọn đèn chong suốt năm canh, dầu đã cạn, bấc đã tàn, nàng chợt liên tưởng đến tình cảnh của mình và trong lòng rưng rưng nỗi thương thân tủi phận: Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

Hình ảnh người chinh phụ thầm gieo từng bước ngoài hiên vắng và suốt năm canh ngồi một mình bên ngọn đèn chong, không biết san sẻ nỗi niềm tâm sự cùng ai đã miêu tả được tâm trạng cô đơn tột độ của người chinh phụ.

Tác giả đặc tả cảm giác cô đơn của người chinh phụ trong tám câu thơ. Đó là cảm giác lúc nào và ở đâu cũng thấy lẻ loi: ban ngày, ban đêm, ngoài phòng, trong phòng. Nỗi cô đơn tràn ngập không gian và kéo dài vô tận theo thời gian luôn deo đẳng, ám ảnh nàng.

**Đoạn 2:**

Cảnh vật xung quanh không thể san sẻ mà ngược lại như cộng hưởng với nỗi sầu miên man của người chinh phụ, khiến nàng càng đớn đau, sầu tủi:

Gà eo óc gáy sương năm trống,

Hòe phất phơ rũ bóng bốn bên.

Khắc giờ đằng đẵng như niên,

Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.

Tiếng gà gáy báo canh năm làm tăng thêm vẻ tĩnh mịch, vắng lặng. Cây hòe phất phơ rũ bóng trong ánh sáng lờ mờ của ban mai gợi cảm giác buồn bã, hoang vắng. Giữa không gian ấy, người chinh phụ cảm thấy mình nhỏ bé, cô độc biết chừng nào!

Ở các khổ thơ tiếp theo, nỗi ai oán hiện rõ trong từng chữ, từng câu, dù tác giả không hề nhắc đến hai chữ chiến tranh:

Hương gượng đốt hồn đà mê mải,

Gương gượng soi lệ lại châu chan.

Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,

Dày uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

Người chinh phụ cố gắng tìm mọi cách để vượt ra khỏi vòng vây của cảm giác cô đơn đáng sợ nhưng vẫn không sao thoát nổi. Nàng gắng gượng điểm phấn tô son và dạo đàn cho khuây khỏa nhưng càng lún sâu hơn vào sự tuyệt vọng. Chạm đến đâu cũng là chạm vào nỗi đau, chạm vào tình cảnh lẻ loi đơn chiếc, Khi Hương gượng đốt thì hồn nàng lại chìm đắm vào nỗi thấp thỏm lo âu. Lúc Gương gượng soi thì nàng lại không cầm được nước mắt bởi vì nhớ gương này mình cùng chồng đã từng chung bóng, bởi vì phải đối diện với hình ảnh đang tàn phai xuân sắc của mình. Nàng cố gảy khúc đàn loan phượng sum vầy thì lại chạnh lòng vì tình cảnh vợ chồng đang chia lìa đôi ngả, đầy những dự cảm chẳng lành: Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng. Rốt cuộc, người chinh phụ đành ngẩn ngơ trở về với nỗi cô đơn đang chất ngất trong lòng mình vậy.

Sắt cầm, uyên ương, loan phụng là những hình ảnh ước lệ tượng trưng cho tình yêu nam nữ, tình nghĩa vợ chồng. Nay vợ chồng xa cách, tất cả đều trở nên vô nghĩa. Dường như người chinh phụ không dám đụng tới bất cứ thứ gì vì chúng nhắc nhở tới những ngày đoàn tụ hạnh phúc đã qua và linh cảm đến sự chia lyi đôi lứa trong hiện tại. Tâm thế của nàng thật chông chênh, chơi vơi khiến cho cuộc sống trở nên khổ sở, bất an.

**Đoạn 3:**

Mong chờ trong nỗi sợ hãi và tuyệt vọng, nàng chí còn biết gửi nhớ thương theo cơn gió:

Lòng này gửi gió đông có tiện ?

Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.

Non Yên dù chẳng tới miền,

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Sau những day dứt của một trạng thái bế tắc cao độ, người chinh phụ chợt có một ý nghĩ rất nên thơ: nhờ gió xuân gửi lòng mình tới người chồng ở chiến trường xa, đang đối đầu với cái chết để mong kiếm chút tước hầu. Chắc chắn, chàng cũng sống trong tâm trạng nhớ nhung mái ấm gia đình với bóng dáng thân yêu của mẹ già, vợ trẻ, con thơ:

Non Yên dù chẳng tới miền,

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Không gian xa cách giữa hai đầu nỗi nhớ được tác giả so sánh với hình ảnh vũ trụ vô biên: Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời. Thăm thẳm nỗi nhớ người yêu, thăm thẳm con đường đến chỗ người yêu, thăm thẳm con đường lên trời. Câu thơ hàm súc về mặt ý nghĩa và cô đọng về mặt hình thức. Cách bộc lộ tâm trạng cá nhân trực tiếp như thế này cũng là điều mới mẻ, hiếm thấy trong vắn chương nước ta thời trung đại:

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.

Hai câu thất ngôn chứa đựng sự tương phản sâu sắc tạo nên cảm giác xót xa, cay đắng. Đất trời thì bao la, bát ngát, không giới hạn, liệu có thấu nỗi sinh li đau đớn đang giày vò ghê gớm cõi lòng người chinh phụ này chăng? Nói như người xưa: trời thì cao, đất thì dày, nỗi niềm uất ức biết kêu ai? biết ngỏ cùng ai? Bởi vậy nên nó càng kết tụ, càng cuộn xoáy, gây nên nỗi đớn đau cho thể xác:

Cảnh buồn người thiết tha lòng,

Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

Giữa con người và cảnh vật dường như có sự tương đồng khiến cho nỗi sầu thương trở nên da diết, bất tận. Cảnh vật xung quanh người chinh phụ đã chuyển thành tâm cảnh bởi được nhìn qua đôi mắt đẫm lệ buồn thương cho thân phận bất hạnh, cô đơn. Sự giá lạnh của tâm hồn làm tăng thêm sự giá lạnh của cảnh vật. Cũng giọt sương ấy đọng trên cành cây, cũng tiếng trùng ấy rả rích trong đêm mưa gió, nhưng cảnh ấy tình này lại gợi nên bao sóng gió, bao nỗi đoạn trường trong lòng người chinh phụ. Tình cảnh ấy, tâm trạng ấy tự nó đã nối lên bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ không được sống hạnh phúc, đồng thời cũng phản ánh thái độ lên án chiến tranh của tác giả.

Bằng bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tác giả đã diễn tả được những diễn biến phong phú, tinh vi các cung bậc tình cảm của người chinh phụ. Cảnh cũng như tình được miêu tả rất phù hợp với diễn biến của tâm trạng nhân vật. Thông qua tâm trạng đau buồn của người chinh phụ đang sống trong tình cảnh lẻ loi vì chồng phải tham gia vào những cuộc tranh giành quyền lực của các vua chúa, tác giả đã đề cao hạnh phúc lứa đôi và thể hiện tinh thần phản kháng đối với chiến tranh phi nghĩa. Tác phẩm Chinh phụ ngâm đã toát lên tư tưởng chủ đạo trong văn chương;một thời, đó là tư tưởng đòi quyền sống quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.

**VD: Phân tích 8câu thơ đầu đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ.**

Trong đề tài viết về chiến tranh, người ta thường viết nhiều về những tráng sĩ, những anh hùng đã chiến đấu, đã hi sinh vì non sông, đất nước. Rất ít tác giả viết về hình ảnh những người vợ, những người mẹ mòn mỏi chờ đợi tin tức của chồng mình, của con mình. Và có ai biết được rằng cái sự chờ đợi đó dường như là vô vọng, bế tắc bởi lẽ: “Cổ lai chinh chiến kỉ nhân hồi”. Cảm thông trước cảnh buồn khổ của những người chinh phụ, Đặng Trần Côn đã sáng tác tác phẩm Chinh phụ ngâm bằng chữ Hán và Đoàn Thị Điểm đã dịch bài thơ này ra chữ Nôm. Trong bản dịch này, có thể thấy xuất sắc nhất là đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”. Đặc biệt là 8 câu thơ đầu tiên.

Ngay những câu đầu của tác phẩm Chinh phụ ngâm, tác giả đã vẻ nên cảnh chia tay giữa người chinh phụ và chinh phu: “Áo chàng đỏ tựa ráng pha, Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in”. Nói như thế có nghĩa là khi người chồng đã đi chinh chiến nơi biên ải xa xôi, người vợ phải ở nhà. Đó là hoàn cảnh của người chinh phụ trong hiện tại. Không những nêu lên hoàn cảnh hiện tại của người chinh phụ, 16 câu thơ đầu còn khắc họa hình ảnh của người vợ trẻ giữa không gian và thời gian. Về không gian, tác giả đã vẻ ra trước mắt chúng ta về hiên vắng, ngoài rèm, trong rèm. Đó là không gian hiu quạnh và vắng vẻ vô cùng. Không chỉ thế, thời gian trong đoạn thơ này cũng được vẽ nên, đó là trục thời gian trôi chảy. Các hình ảnh hoa đèn, tiếng gà eo óc đã vẽ nên cái trục thời gian tuần hoàn: từ đêm đến đêm khuya và trời dần trở về sáng. Nói như thế có nghĩa là người chinh phụ đã thức suốt năm canh để chờ đợi, ngóng trông và ngặm nhắm nỗi cô đơn, sầu muộn của mình. Tóm lại, đoạn trích đã cho ta thấy được hình ảnh của người chinh phụ nổi bật giữa không gian và thời gian. Vậy giữa cái khoảng không gian quạng vắng, cô đơn chiếc bóng ấy, giữa acsi thời gian lê thê của năm canh ấy người chinh phụ đã làm gì?

Dạo hiên vắng … rủ thác đòi phen

Hai câu thơ đầu đã cho chúng ta thấy hình ảnh của người chinh phụ với những hành động thật lạ kì. Người chinh phụ dạo hiên, người chinh phụ ngồi rèm. Thế nhưng, nàng dạo hiên mà thầm gieo từng bước, nàng ngồi rèm mà rủ tahsc đòi phen. Đó là hành động quanh quẩn, được lặp lại nhiều lần. Có thể thấy hành động này bất thường bởi lẽ nàng dạo hiên mà đếm từng bước chân. Nàng ngồ tước cửa sổ mà hết hạ rèm xuống rồi kéo rèm lên. Hành ddoognj vô thức ấy cứ lặp đi lặp lại để cho thấy được rõ ràng bên trong người chinh phụ đang chất đầy tâm trạng. Nàng ngồi rèm, nàng dạo hiên không phải đề hòa mình với thiên nhiên, mà là để trông ngóng một điều gì đó. Có thể thấy, 2 câu thơ đầu đã đặc tả được sự cô đơn, lẻ loi, vắng bóng cũng như hé mở tâm trạng bên trong của người vợ trẻ này. Nàng đang chờ đợi, ngóng trông điều gì mà lòng thổn thức không yên. Và đến những câu thơ tiếp theo thì tâm sự của người chinh phụ đã được hé mở:

Ngoài rèm……….khá thương.

Cụm từ thước chẳng mách tin hé lộ mọi tâm trạng của người chinh phụ. Thì ra người vợ trẻ ấy đang chờ đời con chim thước-con chim báo tin lành,tin của người chồng nơi biên ải xa xôi. Thế nhưng, con chim thước không đến và người chồng cũng bặt vô âm tín. Tiếp theo đó, tác giả đã sử dụng thủ pháp đối lập giữa ngoài rèm với trong rèm và câu hỏi tu từ: “trong rèm …biết chăng?”. Chính cái thủ pháp đối lập và câu hỏi tu từ, một lần nữa cho chúng ta thấy được cái tâm trạng trách móc, buồn bã của người chinh phụ. Bên cạnh đó, ta còn cảm nhận được sự tuyệt vọng của người vợ đang mòn mỏi chờ đợi tin túc cửa chồng. Những câu thơ đầu vẽ nên tình cảnh của người chinh phụ trong lẻ loi, cô đơn, vô vọng. Người chinh phụ ấy thật đáng thương biết bao. Và đáng thương hơn nữa khi nàng chỉ biết làm bạn với ngọn đèn.

Trong rèm…hoa đèn kia với bóng người khá thương.

Với thủ pháp điệp từ :đèn biết chăng; đèn có biết” Tác giả đã vẻ nên dòng tâm trạng triền miên, day dứt, không nguôi của người vợ trẻ. Thêm vào đó, với câu hỏi tu từ” đèn có biết dường bằng chẳng biết” như là một nỗi ám ảnh , như là một tiếng lòng thổn thức không nguôi của người chinh phụ. Hai câu thơ này đã cho ta thấy tâm trạng buồn raaufxots xa của người vợ khi chờ đợi mãi mà chưa có tin tức gì. Khoogn chỉ thế, 2 câu thơ với câu hỏi tu từ đã tạo nên một dòng chảy tâm trạng triền miên, day dứt. Và acsi dòng tâm trạng ấy lại trở nên dai dẳng hơn nữa, triền miên hơn nữa khi nó đặt giữa một không gian và thời gian chnagrw bao giờ ngừng và đứt đoạn. Bên canh việc sử dụng phếp ddiepj, câu hỏi tu từ, đoạn thơ còn sử dụng nhiều hình ảnh mang tính ước lệ tượng trưng: hoa đèn , bóng người và cạm từ như bi thiếp, buồn rầu. Với nhữn hình ảnh và cụm từ ấy, tác giả một lầ nữa cho ta thấy sự cô đơn, sầu muộn. Đặc biệt hình ảnh hoa đèn khiến ta liên tưởng đến những câu ca dao thật hay thậ đẹp về chuyện tình yêu:

Khăn thương nhớ ai

Đèn thương nhsow …….không yên

Cô gái trong bài ca dao hay người vợ trẻ trong chinh phụ ngâm khúc đều phải mòn mỏi từng ngày, từng thắng, từng năm để ngóng trông tin tức của người yêu, người chồng.

Đoạn trích khép lại nhưng dư âm về nỗi cô đơn sầu nhớ của người chinh phụ trong đạn trích vẫn đọng mãi trong trái tim người đọc.

MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

**Đề 1:** Phân tích 18 câu thơ đầu trong đoạn trích trao duyên trích Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Cậy em em có chịu lời

.................................

Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.

**Đề 2**: Phân tích 4 câu thơ đầu đoạn trích chí khí anh hùng tích Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Nửa năm hương lửa đương nồng

...................................................

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.

**Đề 3**:Phân tích đoạn thơ sau trong đoạn trích chí khí anh hùng của Nguyễn Du:

Nàng rằng phận gái chữ tòng

........................................

Chầy chăng là một năm sau vội gì.

**Đề 4:** Phân tích 8 câu thơ đầu đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

Dạo hiên vắng thầm gieo tường bước

........................................................

Hoa đèn kia với bóng người khá thương

**GV ôn tập thi lại Ngữ văn K10 : Nguyễn Thị Phương**

**SĐT liên hệ: 0976.066.347 HOẶC 0941..242335**

**Do dịch bệnh diễn biến phức tạp ,học sinh tự ôn tập theo đề cương có gì thắc mắc trực tiếp liên hệ theo SĐT trên!**